

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02/2019/HS-ST
Ngày: 16/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Trần Duy Hình.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bớt Xốp; ông BHát Châu.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Linh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Ông Tạ Ngôn Ngộ – Kiểm sát viên.

Hôm nay vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân (Sau đây viết tắt là TAND) huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2019/TLST - HS ngày 27 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. T, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1981 tại huyện L, tỉnh N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã N, huyện L, tỉnh N; nơi tạm trú tại thôn B, xã V, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Buôn bán phế liệu; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H (đã chết) và bà N; có vợ tên là C, sinh năm 1985 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có. Ngày 18/01/2019, bị Trưởng Công an huyện G, tỉnh N xử phạt vi phạm hành chính số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) về hành vi “Dùng nhà, chỗ ở của mình để chứa bạc” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPVPHC ngày 18/01/2019 của Công an huyện G, tỉnh N), bị cáo đã thi hành xong nộp phạt ngày 22/01/2019. Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/11/2018, ngày 30/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, ngày 24/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Th, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1988 tại huyện B, tỉnh N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 3, thôn Đ, xã S, huyện B, tỉnh N; nơi tạm trú tại kiết 1 H53/34 đường X, phường N, quận C, thành phố N; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H, sinh năm 1945 và bà D, sinh năm 1951; có vợ tên là H, sinh năm 1990 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/11/2018, ngày 30/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, ngày 24/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975 tại huyện L, tỉnh N; nơi cư trú tại tổ 7, thôn B, xã V, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân

tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông X (đã chết) và bà C, sinh năm 1938; có vợ tên là H, sinh năm 1979 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/11/2018, ngày 30/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, ngày 24/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. M, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1983 tại huyện L, tỉnh N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã L, huyện L, tỉnh N; nơi tạm trú tại thôn B, xã V, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H, sinh năm 1955 và bà P, sinh năm 1956; có vợ tên là T, sinh năm 1986 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/11/2018, ngày 30/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, ngày 24/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Đ, tên gọi khác: Đ; sinh ngày 29 tháng 8 năm 1994 tại huyện H, tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh B; nơi tạm trú tại Thôn B, xã V, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: thợ sửa điện cơ; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ, sinh năm 1968 và bà L, sinh năm 1972; có vợ tên là T, sinh năm 1997; tiền án: Ngày 29/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện V, thành phố N tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2016/HSST, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; tiền sự: Ngày 28/5/2018 bị Phó Trưởng Công an huyện G, tỉnh N xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Đánh bạc trái phép” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 36/QĐ-XPVPHC ngày 28/5/2018 của Công an huyện G, tỉnh N), bị cáo đã thi hành xong nộp phạt ngày 28/5/2018. Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/11/2018, ngày 30/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, ngày 24/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông L, sinh ngày 20/12/1956; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Q, huyện L, tỉnh N; nơi tạm trú tại thôn B, xã V, huyện G, tỉnh N. Có mặt.

2/ Bà C, sinh ngày 07/9/1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã N, huyện L, tỉnh N; nơi tạm trú tại thôn B, xã V, huyện G, tỉnh N. Vắng mặt.

3/ Bà H, sinh năm 1978; nơi cư trú tại tổ 7, thôn B, xã V, huyện G, tỉnh N. Vắng mặt.

4/ Ông A, sinh ngày 04/02/1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 6, xã V, huyện H, tỉnh H; nơi tạm trú tại thôn Đ, xã V, huyện G, tỉnh N. Vắng mặt.

5/ Ông B, sinh ngày 01/5/1979; nơi cư trú tại Tổ 8, khu 4, thị trấn N, huyện L, tỉnh N. Có mặt.

6/ Ông N; sinh ngày 14/12/1974; nơi cư trú tại thôn D, xã V, huyện G, tỉnh N. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông D, sinh năm: 1986; nơi cư trú tại thôn V, xã B, huyện G, tỉnh N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 20 phút, ngày 12/11/2018, Th, M, H và Đ đến tiệm phé liệu của T ở tổ 6, thôn B, xã V, huyện G chơi. Khi đến thì M nảy sinh ý định chơi đánh bạc ăn tiền nên rủ T, Th, H, Đ: “Anh em mình đánh xì tẩy tí đi!”. Nghe M nói vậy thì T, Th, H, Đ đồng ý. Sẵn mền chiếu trong nhà và có bài nên T lấy bài ra rồi ngồi cùng với Th, H, M, Đ chơi đánh bài xì tẩy (còn gọi là xì tố) ăn thua bằng tiền. Tất cả thống nhất với nhau mỗi người phải đặt tiền lên chiếu tại vị trí ngồi (còn gọi là cửa) của mình tối thiểu là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), tối đa không được vượt quá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để sử dụng trong việc tổ bài. Nếu thắng thì người chơi không được rút tiền thắng cất giữ mà phải dồn hết tiền thắng về tẩy tại cửa của mình chơi cho đến khi nào tất cả cùng giải tán nghỉ thì mới được lấy tiền về. Còn nếu thua hết số tiền đặt trên tẩy thì người chơi muốn chơi tiếp phải đặt lên số tiền mới (ra tẩy mới) số tiền tối thiểu là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Một cây bài (ván bài) mỗi người chơi rút tổng cộng 05 (năm) quân bài, trong đó các quân bài thứ nhất, thứ ba, thứ tư, thứ năm người chơi rút bài về và để ngửa mặt bài, còn quân bài thứ nhì người chơi rút bài về, úp mặt bài để giấu tẩy. Sau khi rút quân bài tẩy thứ hai trở đi thì người chơi bắt đầu tổ (cược tiền) với nhau từ số tiền tẩy đặt trên chiếu bạc, trong đó số tiền cược ít nhất mỗi người chơi lấy ra để tổ là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), rút đến quân bài nào thì đặt tiền cược để tổ quân bài đó. Nếu bài xấu thì người chơi có thể không cược tiền và bỏ bài không tham gia tổ. Nếu bài tốt và có khả năng thắng thì người chơi lấy tiền ra tổ và có thể lấy hết số tiền tẩy trên chiếu bạc của mình để tổ với người chơi khác (thường là sau khi rút quân bài thứ tư và thứ năm). Sau khi đặt tiền và tổ hết nước (đã rút hết 05 quân bài) thì người chơi lật bài tẩy (quân bài thứ nhì) ra để phân thắng - thua. Do T là chủ nhà, cung cấp các vật dụng cần thiết và cung cấp bài để phục vụ việc đánh bạc nên T yêu cầu và tất cả đều thống nhất với nhau nếu ai thắng được trong 01 cây bài (ván bài) từ 500.000 đồng đến 800.000 đồng thì phải bỏ tiền xâu cho T số tiền: 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng), nếu ai thắng được trong 01 cây bài (ván bài) từ 800.000 đồng trở lên thì phải bỏ tiền xâu cho T số tiền: 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng), còn số tiền người nào thắng được dưới 500.000 đồng thì không phải bỏ tiền xâu. T, Th, H, M và Đ ngồi đánh bạc với nhau đến khoảng hơn 21 giờ cùng ngày thì ông L đến tiệm phé liệu của T chơi, thấy đánh bài nên ông L ngồi xem, trong lúc T đứng dậy đi vệ sinh thì ông L vào chơi thay cho T (tiền trên chiếu bạc là của T). Th, H, M, Đ và ông L đang ngồi đánh bạc sát phạt với nhau thì vào lúc 21 giờ 40 phút cùng ngày, lực lượng Công an huyện Nam Giang vào kiểm tra, bắt giữ quả tang.

- Vật chứng thu giữ:

+ Số tiền 13.300.000 đồng (mười ba triệu ba trăm nghìn đồng) thu giữ trên chiếu bạc là tiền các con bạc đã và đang sử dụng để ăn thua sát phạt với nhau, trong đó có số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) tiền xâu nộp cho chủ nhà là T cùng với số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) mà Đ lấy trên chiếu bạc và bỏ chạy, sau đó giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Giang (Viết tắt Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang). Tổng cộng: 14.800.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cùng với 01 bộ bài tẩy các bị cáo sử dụng để đánh bạc là phương tiện để phạm tội.

+ Số tiền 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng) thu giữ ngoài chiếu bạc là tiền cá nhân của Nguyễn T cất giấu dưới chân, số tiền này T khai nhận là tiền của T cất trong người để sử dụng vào việc đánh bạc, do lo sợ bị Công an thu giữ nên đã lén lút cất giấu dưới chân nhằm mục đích tẩu tán.

+ Số tiền 6.220.000 đồng (sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang kiểm tra, thu giữ trên người của Th; số tiền 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng) Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang kiểm tra, thu giữ trên người của M là tiền Th và M khai nhận mang theo trong người để dùng vào việc đánh bạc.

+ Số tiền 13.730.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) Cơ quan CSĐT kiểm tra, thu giữ trên người của H, quá trình điều tra xác định số tiền này là tiền làm ăn của vợ chồng H. Chị H (là vợ H) đưa cho H để mua heo nhưng H đã tự ý lấy để sử dụng vào việc đánh bạc.

+ Các điện thoại di động đã tạm giữ bao gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J6 màu tím và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, Model: CPH 1729 màu hồng nhạt tạm giữ của Nguyễn T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 Plus màu đen và chiếc điện thoại di động NOKIA 1280 phím bấm màu đen tạm giữ của Th; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 206 phím bấm màu đen tạm giữ của H; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen tạm giữ của M.

+ Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel phím bấm màu đen viền đỏ và số tiền 1.320.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) đã tạm giữ của L.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 24/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang (viết tắt VKSND huyện Nam Giang) truy tố bị cáo T, bị cáo Th, bị cáo H, bị cáo M và bị cáo Đ về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (Viết tắt BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Nam Giang thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và qua xem xét tính chất của vụ án, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo xác định được:

Đối với Đ, ngày 29/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2016/HSST, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; ngày 06/02/2017, Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, Quảng Nam ra Quyết định thi hành án phạt tù cho hưởng án treo số 05/2017/QĐ-CA đối với Đ theo Quyết định ủy thác thi hành án hình sự số 29/2017/QĐ-CA ngày 03/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, TP. Đ. Đến ngày 29/11/2017, Đ chấp hành xong hình phạt, được Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Nam Giang cấp Giấy chứng nhận chấp hành xong án treo. Căn cứ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự, Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đã chấp hành xong hình phạt nhưng tại thời điểm Đình thực hiện hành vi phạm tội (ngày 12/11/2018), Đ chưa được xóa án tích nên thuộc vào trường hợp tái phạm. Ngày 28/5/2018, bị Phó Trưởng Công an huyện G, tỉnh N xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Đánh bạc trái phép” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 36/QĐ-XPVPHC ngày

28/5/2018 của Công an huyện G, tỉnh N), bị cáo đã thi hành xong nộp phạt ngày 28/5/2018.

Đối với T, ngày 18/01/2019, bị Trưởng Công an huyện G, tỉnh N xử phạt vi phạm hành chính số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) về hành vi “Dùng nhà, chỗ ở của mình để chứa bạc” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPVPHC ngày 18/01/2019 của Công an huyện G, tỉnh N), bị cáo đã thi hành xong nộp phạt ngày 22/01/2019.

Đối với Nguyễn T, Th, H và M không có tình tiết tăng nặng, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Đối với Đ, tại thời điểm bị lực lượng Công an phát hiện quả tang đã hoảng loạn và có hành vi bỏ chạy, nhưng sau đó đã tự giác đến Cơ quan CSĐT đầu thú, khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX):

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52 ; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đ từ 06 (Sáu) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Đ từ 10.000.000 (Mười triệu) đồng đến 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo T từ 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng đến 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Xử phạt các bị cáo Th, H, M, mỗi bị cáo từ 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng đến 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ bài tây các bị cáo sử dụng để đánh bạc là phương tiện để phạm tội.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 29.320.000 đồng (hai mươi chín triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Đối với số tiền 13.730.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) Cơ quan CSĐT kiểm tra, thu giữ trên người của H, quá trình điều tra xác định số tiền này là tiền làm ăn của vợ chồng H. Chị H (là vợ H) đưa cho H để mua heo nhưng H đã tự ý lấy để sử dụng vào việc đánh bạc. Xét thấy số tiền này là tài sản hợp pháp của vợ chồng H, H chưa sử dụng vào việc đánh bạc nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang đã tiến hành trả lại cho chủ sở hữu là chị H theo quy định.

+ Đối với các điện thoại di động đã tạm giữ bao gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J6 màu tím và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, Model: CPH 1729 màu hồng nhạt tạm giữ của T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 Plus màu đen và chiếc điện thoại di động NOKIA 1280 phím bấm màu đen tạm giữ của Th; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 206 phím bấm màu đen tạm giữ của H; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen tạm giữ của M. Trong quá trình điều tra xác định các bị can không sử dụng điện thoại vào

việc đánh bạc (không sử dụng đề liên lạc, rú rê đánh bạc hoặc sử dụng đề cá cược, ăn thua trên chiếu bạc) nên Cơ quan CSĐT đã tiến hành trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

+ Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel phím bấm màu đen viền đỏ và số tiền 1.320.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) đã tạm giữ của L, quá trình điều tra xác định ông L không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên Cơ quan CSĐT tiến hành trả lại tài sản cho ông L theo quy định.

- Những vấn đề khác:

+ Về hành vi sử dụng nhà ở của mình, cung cấp các vật dụng sử dụng cho việc đánh bạc, đồng thời thu tiền của T có dấu hiệu của hành vi “Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc”, tuy nhiên hành vi của T chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà chỉ dừng lại ở mức độ vi phạm hành chính. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 26 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với T bằng hình thức phạt tiền về hành vi: “Dùng nhà, chỗ ở của mình để chứa bạc” với số tiền: 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Đối với hành vi của L, mặc dù ông L không sử dụng tiền của mình để tham gia đánh bạc, tuy nhiên ông L đã có hành vi ngồi tham gia chơi đánh bạc cùng các bị cáo khác thay cho T, sử dụng tiền trên chiếu bạc của T để tổ cá cược ăn thua bằng tiền với các bị cáo Th, H, M và Đ. Hành vi của L tuy chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội danh “Đánh bạc” quy định tại Điều 321 BLHS năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, cần phải được xử lý nghiêm để răn đe. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang xử phạt vi phạm hành chính đối với L bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Đánh bạc trái phép” với số tiền: 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa các bị cáo T, Th, H, M và Đ khai nhận: Vào khoảng 20 giờ 20 phút, ngày 12/11/2018, Th, M, H và Đ đến tiệm phé liệu của T ở tổ 6, thôn B, xã V, huyện G để đánh bạc bằng hình thức chơi bài xì tấy (còn gọi là xì tố) ăn thua bằng tiền. Để chơi, mỗi bị cáo phải lấy tiền ra đặt lên chiếu bạc để đặt cược (gọi là ra tấy) với số tiền tối thiểu bắt buộc mỗi bị cáo phải bỏ ra là 1.000.000 đồng (một triệu đồng); có tổng cộng 05 người, tiền tấy đặt trên chiếu bạc của tất cả các bị cáo sử dụng để đặt cược (tổ bài) trong mỗi cây bài (ván bài) là trên 5.000.000 đồng/ván, trên cơ sở số tiền trên tấy của mình, tùy theo diễn biến từng cây bài (ván bài) tốt - xấu khác nhau mà các bị cáo sử dụng tiền trên tấy của mình để tố (cược tiền với nhau) và số tiền trên chiếu bạc sẽ tăng dần lên khi có người thua hết tiền trên tấy của mình, phải lấy thêm tiền để ra tấy mới. Cho đến khi bị lực lượng Công an bắt giữ quả tang, tổng số tiền trên chiếu bạc mà 05 bị cáo đang sát phạt ăn thua với nhau là: 14.800.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó có 100.000 đồng tiền xâu cho chủ nhà là bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với tang vật cùng các chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với lời kết luận của đại diện Viện kiểm sát. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét tính chất vụ án: Trật tự công cộng được Nhà nước bảo vệ và yêu cầu mọi người phải tôn trọng. Các bị cáo đã có hành vi đánh bạc trái phép.

[4] Xét về hành vi: Các bị cáo T, Th, H, M và Đ đều là những người có đủ năng lực nhận thức được việc đánh bạc, tổ chức đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là những hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì háo lợi nên các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện. Xét thấy hành vi của các bị cáo là cố ý, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nếp sống văn hóa và tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo T, Th, H và M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Đối với bị cáo Đ, ngày 29/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2016/HSST, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; ngày 06/02/2017, Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, Quảng Nam ra Quyết định thi hành án phạt tù cho hưởng án treo số 05/2017/QĐ-CA đối với Đ theo Quyết định ủy thác thi hành án hình sự số 29/2017/QĐ-CA ngày 03/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Đến ngày 29/11/2017, Đ chấp hành xong hình phạt, được Cơ quan thi hành án hình sự Công an

huyện Nam Giang cấp Giấy chứng nhận chấp hành xong án treo. Căn cứ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 70 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đã chấp hành xong hình phạt nhưng tại thời điểm Đ thực hiện hành vi phạm tội (ngày 12/11/2018), bị cáo Đ chưa được xóa án tích nên thuộc vào trường hợp tái phạm. Ngày 28/5/2018, bị cáo Đ bị Phó Trưởng Công an huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Đánh bạc trái phép” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 36/QĐ-XPVPHC ngày 28/5/2018 của Công an huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam), bị cáo đã thi hành xong nộp phạt ngày 28/5/2018, nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Bị cáo đã có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo không ăn năn, hối cải mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, đối với lần phạm tội này cần phải áp dụng loại hình phạt tù đối với bị cáo, đồng thời cần xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Đ.

Đối với bị cáo T: Ngày 18/01/2019, bị Trưởng Công an huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) về hành vi “Dùng nhà, chỗ ở của mình để chứa bạc” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPVPHC ngày 18/01/2019 của Công an huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam), bị cáo đã thi hành xong nộp phạt ngày 22/01/2019.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, Th, H, M và Đ tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các bị cáo T, Th, H, M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Th có cha là ông H được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba và mẹ là bà D được Nhà nước trợ cấp hàng tháng đối với người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày (Quyết định số 565/QĐ-LĐTBXH ngày 02/7/2013 của Sở Lao động - thương binh và xã hội tỉnh Quảng Nam về việc trợ cấp hàng tháng đối với người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày) và đối với bị cáo Đ, tại thời điểm bị lực lượng Công an phát hiện quả tang đã hoảng loạn và có hành vi bỏ chạy, nhưng sau đó đã tự giác đến Cơ quan CSĐT đầu thú, khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; HĐXX thấy rằng phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với tất cả các bị cáo để giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, HĐXX cũng nhận thấy rằng các bị cáo T, Th, H, M có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đều là lao động chính trong gia đình và nuôi con nhỏ, đều có công việc, thu nhập, có nơi cư trú rõ ràng nên không áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền quy định tại Điều 35 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng đủ

tính rắn đe, đồng thời thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo chăm lo cho gia đình.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo T, Th, H, M. Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Đ.

[7] Những vấn đề khác:

Về hành vi sử dụng nhà ở của mình, cung cấp các vật dụng sử dụng cho việc đánh bạc, đồng thời thu tiền xâu của T có dấu hiệu của hành vi “Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc”. Tuy nhiên, hành vi của T chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà chỉ dừng lại ở mức độ vi phạm hành chính. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 26 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thọ bằng hình thức phạt tiền về hành vi: “Dùng nhà, chỗ ở của mình để chứa bạc” với số tiền: 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với hành vi của L, mặc dù ông L không sử dụng tiền của mình để tham gia đánh bạc, tuy nhiên ông L đã có hành vi ngồi tham gia chơi đánh bạc cùng các bị cáo khác thay cho T, sử dụng tiền trên chiếu bạc của T để tổ cá cược ăn thua bằng tiền với các bị cáo Th, H, M và Đ. Hành vi của L tuy chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội danh “Đánh bạc” quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự, tuy nhiên cần phải được xử lý nghiêm để răn đe. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang xử phạt vi phạm hành chính đối với L bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Đánh bạc trái phép” với số tiền: 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

[9] Về vật chứng: Xét đề nghị của Đại diện VKS thực hiện quyền công tố tại phiên tòa là phù hợp với pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo T, Th, H, M và Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52 ; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được tính trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2018 đến ngày 30/11/2018.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Đ từ 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo T 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Xử phạt các bị cáo H 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

Xử phạt các bị cáo M 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

Xử phạt các bị cáo Th 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu các bị cáo T, Th, H, M và Đ không thực hiện nghĩa vụ như trên thì phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ bài tây các bị cáo sử dụng để đánh bạc là phương tiện để phạm tội.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 29.320.000 đồng (hai mươi chín triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cụ thể như sau:

+ Số tiền 13.300.000 đồng (mười ba triệu ba trăm nghìn đồng) thu giữ trên chiếu bạc là tiền các con bạc đã và đang sử dụng để ăn thua sát phạt với nhau, trong đó có 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) tiền xâu nộp cho chủ nhà là T cùng với số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) mà Đ lấy trên chiếu bạc và bỏ chạy, sau đó giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Giang. Tổng cộng: 14.800.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Số tiền 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng) thu giữ ngoài chiếu bạc là tiền cá nhân của T cất giấu dưới chân, số tiền này T khai nhận là tiền của T cất trong người để sử dụng vào việc đánh bạc, do lo sợ bị Công an thu giữ nên đã lén lút cất giấu dưới chân nhằm mục đích tẩu tán.

+ Số tiền 6.220.000 đồng (sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang kiểm tra, thu giữ trên người của Th; số tiền 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng) Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang kiểm tra, thu giữ trên người của M là tiền Th và M khai nhận mang theo trong người để dùng vào việc đánh.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Toà án nhân dân huyện Nam Giang)

3. Về án phí:

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo T, Th, H, M và Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản

án được tổng đạt hợp lệ, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an tỉnh Quảng Nam (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam
(Bộ phận lý lịch tư pháp);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Trần Duy Hình

